

QUYẾT ĐỊNH

Công khai giảm dự toán ngân sách năm 2024

Căn cứ điều lệ trường trung học cơ sở, trường phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ theo Thông tư số 09/2024/TT-BGGĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ theo Thông tư số 36/2017/TT-BGGĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục đào tạo hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT BTC ngày 28/9/2018 Sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai giảm dự toán ngân sách năm 2024 của Trường THPT Hoàng Bồ. (Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Địa điểm công khai phòng họp hội đồng, bảng thông báo, trang website của nhà trường.

Điều 3. Các ông (bà) Ban giám hiệu, Tổ trưởng chuyên môn, tổ văn phòng, giáo viên, nhân viên, các ông (bà) có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Sở Giáo dục QN;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu :VT, KT.



Nguyễn Thị Định

Số:1459/QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xác định số tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết 119/NQ-CP của Chính phủ cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020;

Căn cứ Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2913/QĐ-UBND ngày 09/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xác định số tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết 119/NQ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xác định số tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết 119/NQ-CP của Chính phủ cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo là: 8.052.000.000 đồng (Tám tỷ không trăm năm mươi hai triệu đồng), trong đó:

- Kinh phí tiết kiệm 5% từ dự toán chi ngân sách nhà nước được giao: 7.544.395.000 đồng.

- Kinh phí tiết kiệm 5% từ số thu sự nghiệp và chi khác được để lại chi thường xuyên: 507.605.000 đồng.

(Các biểu chi tiết kèm theo Quyết định).

Điều 2. Số tiền tiết kiệm 5% từ nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện theo chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của thủ tướng chính phủ về tăng cường tiết kiệm chi ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Đối với kinh phí cắt giảm, tiết kiệm từ nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại chi thường xuyên: trích vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị để tăng đầu tư phát triển hoạt động sự nghiệp. Các đơn vị sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và quyết toán ngân sách theo đúng quy định của luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh (huyện, thị xã, thành phố);
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KHTC⁰⁷.

Ký bởi: Chu Việt Phương

Ký bởi: Nguyễn Thị Hồng Ninh

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thúy

**KINH PHÍ TIẾT KIỆM 5% DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN
VÀ TỪ NGUỒN THU PHÍ, THU NGHIỆP VỤ NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 459/QĐ-SGDĐT ngày 16 /10/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên đơn vị	Kinh phí 5% tiết kiệm				
		Tổng cộng	Từ dự toán chi ngân sách được giao năm 2024	Bao gồm		Từ số thu sự nghiệp, thu khác được để lại chi thường xuyên
				Trong đó		
				Kinh phí thực hiện tự chủ	Kinh phí không thực hiện tự chủ	
	Tổng số	8.052.000.000	7.544.395.000	2.464.620.000	5.079.775.000	507.605.000
I	Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo	1.965.580.000	1.965.580.000	185.480.000	1.780.100.000	
II	Các đơn vị trực thuộc	6.086.420.000	5.578.815.000	2.279.140.000	3.299.675.000	507.605.000
1	Trường THPT Bạch Đằng	177.943.000	162.343.000	63.700.000	98.643.000	15.600.000
2	Trường THPT Bãi Cháy	505.207.000	477.782.000	54.250.000	423.532.000	27.425.000
3	Trường THPT Cẩm Phả	164.775.000	118.900.000	51.800.000	67.100.000	45.875.000
4	Trường THPT Cửa Ông	320.550.000	320.550.000	39.950.000	280.600.000	
5	Trường THPT Đông Thành	90.775.000	75.400.000	45.000.000	30.400.000	15.375.000
6	Trường THPT Đông Triều	126.274.000	117.079.000	53.329.000	63.750.000	9.195.000
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	111.550.000	102.500.000	44.300.000	58.200.000	9.050.000
8	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	163.775.000	144.800.000	53.250.000	91.550.000	18.975.000
9	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	88.475.000	82.050.000	43.000.000	39.050.000	6.425.000
10	Trường THPT Hoàn Bò	104.875.000	94.850.000	47.900.000	46.950.000	10.025.000
11	Trường THPT Hòn Gai	315.545.000	315.545.000	124.095.000	191.450.000	
12	Trường THPT Lê Chân	109.540.000	94.450.000	50.000.000	44.450.000	15.090.000
13	Trường THPT Lê Hồng Phong	91.525.000	91.525.000	45.625.000	45.900.000	
14	Trường THPT Lê Quý Đôn	110.025.000	106.650.000	54.500.000	52.150.000	3.375.000
15	Trường THPT Lý Thường Kiệt	94.040.000	91.256.000	44.406.000	46.850.000	2.784.000
16	Trường THPT Minh Hà	150.690.000	139.200.000	65.500.000	73.700.000	11.490.000

17	Trường THPT Mông Dương	76.350.000	76.350.000	38.300.000	38.050.000	
18	Trường THPT Ngô Quyền	157.625.000	132.250.000	28.150.000	104.100.000	25.375.000
19	Trường PT DTNT THCS&THPT tỉnh	289.433.000	242.550.000	94.750.000	147.800.000	46.883.000
20	Trường THPT Chuyên Hạ Long	350.425.000	335.150.000	198.950.000	136.200.000	15.275.000
21	Trường THPT Trần Phú	139.100.000	111.100.000	56.200.000	54.900.000	28.000.000
22	Trường THPT Uông Bí	186.675.000	176.750.000	84.950.000	91.800.000	9.925.000
23	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	101.200.000	56.650.000	4.800.000	51.850.000	44.550.000
24	Trung tâm HN&GDTX tỉnh	73.725.000	73.725.000	18.275.000	55.450.000	
25	Trường THPT Đàm Hà	158.396.000	145.250.000	106.700.000	38.550.000	13.146.000
26	Trường THCS&THPT Đường Hoa Cương	84.013.000	77.150.000	42.600.000	34.550.000	6.863.000
27	Trường THCS-THPT Hải Đông	118.300.000	118.300.000	84.550.000	33.750.000	
28	Trường THPT Quảng Hà	152.880.000	139.460.000	46.510.000	92.950.000	13.420.000
29	Trường THCS&THPT Tiên Yên	111.018.000	108.500.000	55.400.000	53.100.000	2.518.000
30	Trường PT DTNT THCS&THPT Tiên Yên	126.113.000	106.400.000	76.950.000	29.450.000	19.713.000
31	Trường THPT Ba Chẽ	88.060.000	76.900.000	36.450.000	40.450.000	11.160.000
32	Trường THPT Bình Liêu	179.290.000	164.600.000	73.800.000	90.800.000	14.690.000
33	Trường THPT Cô Tô	100.140.000	93.050.000	63.900.000	29.150.000	7.090.000
34	Trường THCS&THPT Hoàn Mô	210.900.000	210.900.000	100.200.000	110.700.000	
35	Trường THCS-THPT Quan Lạn	102.357.000	90.050.000	72.800.000	17.250.000	12.307.000
36	Trường THCS-THPT Quảng La	139.736.000	124.900.000	67.350.000	57.550.000	14.836.000
37	Trường THPT Hải Đảo	415.120.000	383.950.000	46.950.000	337.000.000	31.170.000

Số: 1585/QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, phân bổ dự toán ngân sách tỉnh năm 2024 của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung, điều chỉnh, phân bổ dự toán ngân sách tỉnh năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2763/QĐ-UBND ngày 28/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, phân bổ dự toán ngân sách tỉnh năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (Đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-SGDĐT ngày 02/02/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc phân bổ dự toán mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu năm 2024 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 934/QĐ-SGDĐT ngày 08/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc cấp bổ sung dự toán mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu năm 2024 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 976/QĐ-SGDĐT ngày 15/8/2024 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông báo số 100/TB-UBND ngày 03/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết luận phiên họp thường kỳ tháng 5 năm 2024;

Căn cứ công văn số 5147/VP.UBND-KTTC ngày 28/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kinh phí hưởng phụ cấp thâm niên nhà giáo lần đầu;

Công văn số 5922/STC-TCHCSN ngày 11/11/2024 của Sở Tài chính về việc sử dụng nguồn kinh phí được giao đầu năm để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong năm.

Theo đề nghị của trưởng phòng Kế hoạch tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, phân bổ dự toán ngân sách tỉnh năm 2024 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (chi tiết theo Phụ lục đính kèm) như sau:

1. Điều chỉnh kinh phí thực hiện tự chủ (Theo phụ lục số 01):

- Điều chỉnh giảm kinh phí của 11 đơn vị: 5.663,21 triệu đồng, trong đó: Dự toán kinh phí cấp cho các đơn vị chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị: 5.656,21 triệu đồng; Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ lại ngân sách cấp tỉnh: 7 triệu đồng;

- Điều chỉnh tăng kinh phí cho 8 đơn vị: 5.663,21 triệu đồng, trong đó: Dự toán kinh phí cấp cho các đơn vị chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị: 5.656,21 triệu đồng; Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ lại ngân sách cấp tỉnh: 7 triệu đồng;

2. Điều hoà kinh phí không thực hiện tự chủ cho các nhiệm vụ phát sinh (Theo phụ lục số 02):

- Điều chỉnh giảm kinh phí mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới: 5.323,616 triệu đồng;

- Điều chỉnh tăng: (1) Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 128 triệu đồng; (2) Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học (Quy định tại Nghị quyết 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh): 2.712 triệu đồng; (3) Kinh phí chi trả phụ cấp thâm niên nhà giáo từ tháng 5/2019 đến tháng 12/2024: 2.132,272 triệu đồng; (4) Chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ: 97,344 triệu đồng; (5) Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Sửa chữa khu nhà B trường THPT Đông Thành: 54 triệu đồng; (6) Hoạt động chuyên môn (các nhiệm vụ phát sinh do Bộ tổ chức): 200 triệu đồng.

3. Điều chỉnh giảm dự toán kinh phí mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu đã phân bổ tại Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh: 1.580,8 triệu đồng (Theo phụ lục số 03).

Điều 2. Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu:

1. Phòng Tổ chức cán bộ và Kiểm định chất lượng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc đề xuất đối tượng, thời gian và tỷ lệ hưởng phụ cấp thâm niên nhà giáo đảm bảo đúng Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính Phủ.

2. Thủ trưởng đơn vị được giao bổ sung dự toán chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc quản lý, sử dụng, công khai kinh phí đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, thất thoát ngân sách nhà nước.

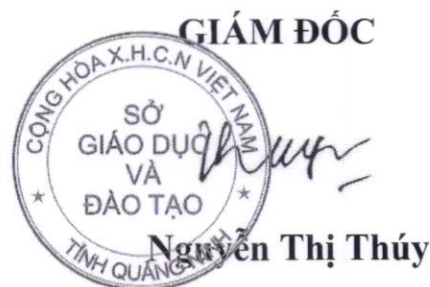
Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng Tổ chức cán bộ và kiểm định chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị tại Điều 1 và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh(huyện, thị xã, thành phố);
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KHTC 07.

Ký bởi: Nguyễn Thị Hồng Ninh

Ký bởi: Chu Việt Phương



PHỤ LỤC SỐ 01: ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ TỰ CHỦ NĂM 2024 GIAO CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỐ

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Dự toán kinh phí được giao tại Quyết định 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo	Trong đó		Dự toán giao bổ sung theo QĐ 976/QĐ-SGDĐT ngày 15/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo	Điều chỉnh Dự toán kinh phí cấp cho các đơn vị chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị		Điều chỉnh kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ lại ngân sách cấp tỉnh		Dự toán kinh phí sau điều hoà	Trong đó	
			Dự toán kinh phí cấp cho các đơn vị chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ lại ngân sách cấp tỉnh		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Dự toán kinh phí cho các đơn vị chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên giữ lại ngân sách cấp tỉnh
1	2	3=4+5	4	5	9	10	11	12	13	14=6-3-9	15=7-4-9-10-11	16=8-5-12-13
	Tổng cộng	161.718	158.471	3.247	3.004,0	-5.656,21	5.656,21	-7,0	7,0	164.722,0	161.475,0	3.247,0
1	Trường THPT Uông Bí	11.706	11.472	234			1.118,8			12.824,8	12.590,8	234,0
2	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	6.672	6.539	133			739,8			7.411,8	7.278,8	133,0
3	Trung tâm HN&GDTX tỉnh	4.475	4.386	89		-160,1				4.314,9	4.225,9	89,0
4	Trường THPT Quảng Hà	8.559	8.388	171			728,9			9.287,9	9.116,9	171,0
5	Trường PT DTNT THCS&THPT tỉnh	10.521	10.312	209	200,3	-1.064,5				9.656,8	9.447,8	209,0
6	Trường THPT Chuyên Hạ Long	25.113	24.611	502	681,0	-991,9				24.802,1	24.300,1	502,0

7	Trường THPT Đầm Hà	10.236	10.033	203	160,2		-496,9			9.899,3	9.696,3	203,0
8	Trường THCS&THPT Đường Hoa Cương	6.335	6.209	126	40,1			103,2		6.478,3	6.352,3	126,0
9	Trường THCS-THPT Hải Đông	7.373	7.227	146	480,7		-403,2			7.450,5	7.304,5	146,0
10	Trường THCS&THPT Tiên Yên	6.987	6.848	139	200,3			2.292,6		9.479,9	9.340,9	139,0
11	Trường PT DTNT THCS&THPT Tiên Yên	8.543	8.373	170	160,2		-414,8			8.288,4	8.118,4	170,0
12	Trường THPT Ba Chẽ	6.361	6.228	133	240,3			149,6		6.750,9	6.617,9	133,0
13	Trường THPT Bình Liêu	7.804	7.641	163	120,2		-521,5		-2,0	7.400,7	7.239,7	161,0
14	Trường THPT Cô Tô	5.970	5.846	124	80,0		-459,3			5.590,7	5.466,7	124,0
15	Trường THCS&THPT Hoàng M6	9.029	8.841	188	200,3		-374,4			8.854,9	8.666,9	188,0
16	Trường THCS-THPT Quan Lạn	7.313	7.168	145	80,0		-68,5		7,0	7.331,5	7.179,5	152,0
17	Trường THCS-THPT Quảng La	7.474	7.326	148	80,0		-701,0		-5,0	6.848,0	6.705,0	143,0
18	Trường THPT Hải Đảo	11.247	11.023	224	280,4			523,3		12.050,7	11.826,7	224,0

PHỤ LỤC SỐ 02: ĐIỀU HOÀ KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ NĂM 2024 CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Tên đơn vị	Dự toán giao tại QĐ 158/QĐ- SGDDT ngày 02/2//2024 QĐ 934/QĐ- SGDDT ngày 08/8//2024	Kinh phí điều chỉnh tăng	Trong đó						Kinh phí điều chỉnh giảm (Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới)
				Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	Chi trả tiền phụ cấp thâm niên nhà giáo từ tháng 05/2019 đến tháng 12/2024	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 25/2023 /NQ- HĐND ngày 08/12/2 023 của HĐND tỉnh	Chính sách thu hút sinh viên tốt nghệ xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ	Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Sửa chữa khu nhà B trường THPT Đông Thành	Hoạt động chuyên môn (các nhiệm vụ phát sinh do Bộ tổ chức)	
		1	$2=3+4+5+6$ $+7+8$	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng cộng	8.691,942	5.323,616	2.712	2.132,272	128	97,344	54	200	-5.323,616
1	Trường THPT Bạch Đằng		249,961	116	133,961					
2	Trường THPT Bãi Cháy		163,839		163,839					
3	Trường THPT Cẩm Phả		82,309		82,309					
4	Trường THPT Cửa Ông		22,035		22,035					
5	Trường THPT Đông Thành		238,650		184,650			54		
6	Trường THPT Đông Triều		37,689		37,689					
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám		258,621	250	8,621					
8	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	1.559,899	328,200	250	78,200					-1.089,550

9	Trường THPT Hoàng Văn Thụ		121,713		121,713						
10	Trường THPT Hoành Bồ		27,362		27,362						
11	Trường THPT Hòn Gai	3.374,440	319,509	250	69,509						-2.803,405
12	Trường THPT Lê Chân		219,383		219,383						
13	Trường THPT Lê Hồng Phong		193,914	184	9,914						
14	Trường THPT Lê Quý Đôn		7,817		7,817						
15	Trường THPT Lý Thường Kiệt										
16	Trường THPT Minh Hà										
17	Trường THPT Mông Dương		56,922		56,922						
18	Trường THPT Ngô Quyền		250	250							
19	Trường PT DTNT THCS và THPT Tỉnh		259,097	250	9,097						
20	Trường THPT Chuyên Hạ Long	2.097,530	336,187	250	86,187						-1.176,661
21	Trường THPT Trần Phú		14,796		14,796						
22	Trường THPT Uông Bí		58,364		58,364						
23	Trường THPT Vũ Văn Hiếu		262,340	220	42,340						
24	Trung tâm HN & GDTX Tỉnh		319,232	133	186,232						
25	Trường THPT Dầm Hà		10,692		10,692						
26	Trường THCS & THPT Dương Hoa Cương		48	48							
27	Trường THCS & THPT Hải Đông		130,135		130,135						

STT	Tên đơn vị	Dự toán kinh phí sau điều hoà	Trong đó						
			Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới (bao gồm cả kinh phí tiết kiệm 5% giữ tại KB)	Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học	Chi trả tiền phụ cấp thâm niên nhà giáo từ tháng 05/2019 đến tháng 12/2024	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	Chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ	Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Sửa chữa khu nhà B trường THPT Đông Thành	Hoạt động chuyên môn (các nhiệm vụ phát sinh do Bộ tổ chức)
		$10=11+\dots+17$	11	12	13	14	15	16	17
	Tổng cộng	8.691,942	3.368,326	2.712,000	2.132,272	128	97,344	54	200
1	Trường THPT Bạch Đằng	249,961		116	134				
2	Trường THPT Bãi Cháy	163,839			164				
3	Trường THPT Cẩm Phả	82,309			82				
4	Trường THPT Cửa Ông	22,035			22				
5	Trường THPT Đông Thành	238,650			185			54	
6	Trường THPT Đông Triều	37,689			38				
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	258,621		250	9				
8	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	798,549	470,349	250	78				
9	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	121,713			122				
10	Trường THPT Hoành Bồ	27,362			27				
11	Trường THPT Hòn Gai	890,544	571,035	250	70				

12	Trường THPT Lê Chân	219,383				219		
13	Trường THPT Lê Hồng Phong	193,914		184		10		
14	Trường THPT Lê Quý Đôn	7,817				8		
15	Trường THPT Lý Thường Kiệt							
16	Trường THPT Minh Hà							
17	Trường THPT Mông Dương	56,922				57		
18	Trường THPT Ngô Quyền	250		250				
19	Trường PT DTNT THCS và THPT Tỉnh	259,097		250		9		
20	Trường THPT Chuyên Hạ Long	1.257,056	920,869	250		86		
21	Trường THPT Trần Phú	14,796				15		
22	Trường THPT Uông Bí	58,364				58		
23	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	262,340		220		42		
24	Trung tâm HN & GDTX Tỉnh	319,232		133		186		
25	Trường THPT Đàm Hà	10,692				11		
26	Trường THCS & THPT Đường Hoa Cường	48,000		48				
27	Trường THCS & THPT Hải Đông	130,135				130		
28	Trường THPT Quang Hà	74,876				75		

29	Trường THPT Tiên Yên	18,444				18							
30	Trường PT DTNT THCS & THPT Tiên Yên	64,052				64							
31	Trường THPT Ba Chẽ	8,801				9							
32	Trường THPT Bình Liêu	155,636			124	32							
33	Trường THPT Cô Tô	164,765			140	5	20						
34	Trường THCS & THPT Hoàng Mô	57,596				10	48						
35	Trường THCS & THPT Quan Lạn	97,616				38	60						
36	Trường THCS & THPT Quảng La	335,597			247	89							
37	Trường THPT Hải Đảo	1.438,197	1.406,073			32							
38	Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo	297,344								97			200

PHỤ LỤC SỐ 03: ĐIỀU CHỈNH GIÁM DỤ TOÁN KINH PHÍ MUA SẴM THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Kinh phí đã phân bổ theo quyết định số 934/QĐ-SGDDT ngày 08/8//2024 (Quyết định 2142/Q)	Kinh phí dự kiến sử dụng trong năm	Trừ tiết kiệm 5% theo QĐ số 2913/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	Kinh phí điều chỉnh giảm	Kinh phí sau điều chỉnh
	Tổng cộng	1.664		83,2	-1.580,8	83,2
1	Trường THPT Bạch Đằng					
2	Trường THPT Bãi Cháy	651,128		32,556	-618,572	32,556
3	Trường THPT Cẩm Phả	150,973		7,549	-143,424	7,549
4	Trường THPT Cửa Ông					
5	Trường THPT Đông Thành					
6	Trường THPT Đông Triều					
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám					
8	Trường THPT Hoàng Quốc Việt					
9	Trường THPT Hoàng Văn Thụ					
10	Trường THPT Hoàn Kiếm	20,160		1,008	-19,152	1,008
11	Trường THPT Hòn Gai					
12	Trường THPT Lê Chân					
13	Trường THPT Lê Hồng Phong					
14	Trường THPT Lê Quý Đôn					
15	Trường THPT Lý Thường Kiệt					
16	Trường THPT Minh Hà	107,650		5,383	-102,268	5,382
17	Trường THPT Mông Dương					

18	Trường THPT Ngô Quyền		278,848		13,942		-264,906		13,942
19	Trường PT DTNT THCS và THPT Tỉnh								
20	Trường THPT Chuyên Hạ Long								
21	Trường THPT Trần Phú								
22	Trường THPT Ưông Bí								
23	Trường THPT Vũ Văn Hiếu								
24	Trung tâm HN & GDTX Tỉnh		2,420		0,121		-2,299		0,121
25	Trường THPT Đàm Hà								
26	Trường THCS & THPT Đường Hoa Cương								
27	Trường THCS & THPT Hải Đông								
28	Trường THPT Quảng Hà								
29	Trường THCS và THPT Tiên Yên								
30	Trường PT DTNT THCS & THPT Tiên Yên								
31	Trường THPT Ba Chẽ								
32	Trường THPT Bình Liêu								
33	Trường THPT Cô Tô								
34	Trường THCS & THPT Hoàn Mô								
35	Trường THCS & THPT Quan Lạn								
36	Trường THCS & THPT Quảng La		452,821		22,641		-430,180		22,641
37	Trường THPT Hải Đảo								
38	Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo								